VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 619/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 về hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; bảo đảm tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bối cảnh hội nhập quốc tế và điều kiện thực tiễn của địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm trong thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư lĩnh vực giao thông, ưu tiên thực hiện các dự án giao thông kết nối vùng, liên vùng, liên huyện, phát triển đô thị, các ngành, sản phẩm, lĩnh vực quan trọng của địa phương, đặc biệt là kết nối các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc; các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, các tuyến kết nối giao thông với vùng và các tỉnh có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đặc biệt là thành phố Hà Nội,... Mở mới, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, các nút giao kết nối với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai.

b) Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật du lịch, đáp ứng các tiêu chí của khu vực được công nhận là di sản thế giới, khu du lịch quốc gia, các khu du lịch của tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; các công trình, dự án cấp thoát nước; công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; hạ tầng khu, cụm công nghiệp; dự án điện;...

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Phấn đấu thu hút bình quân 60 dự án/năm, trong đó: Mỗi huyện, thị xã, thành phố thu hút ít nhất 02 dự án/năm; mỗi ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư tối thiểu 05 dự án/năm.

- Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Phát triển một số ngành công nghiệp, như: Công nghiệp năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trong đó, ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp chế biến sâu nông, lâm sản; công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp khai thác và chế biến sâu khoáng sản, vật liệu xây dựng cao cấp;... Tiếp tục phát triển công nghiệp may mặc, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với các quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa.

- Phát triển mạnh mẽ dịch vụ - đô thị, logistics, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các dự án có quy mô lớn đầu tư vào Khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà, Mù Cang Chải và các khu du lịch được xác định là khu du lịch cấp tỉnh; hình thành các khu dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh. Phát triển du lịch kết hợp với nghỉ dưỡng, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị cao;... tập trung phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện (MICE), nghỉ dưỡng, sinh thái với các dịch vụ đi kèm như khách sạn, nhà hàng, vui chơi, giải trí, thể thao mạo hiểm.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp làm cơ sở tập trung, tích tụ ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao.

- Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu quốc gia và toàn cầu, có năng lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ.

b) Nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng phát triển của địa phương, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp; ban hành cơ chế để các doanh nghiệp trên địa bàn liên kết với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Yên Bái 05 năm 2021 - 2025:

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

- Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển và mở rộng khu, cụm công nghiệp tập trung; các khu dân cư. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng gắn với quá trình hình thành khu công nghiệp, du lịch, dịch vụ và mở rộng khu dân cư đô thị, nông thôn.

- Dành đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học,... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng (khoảng 63 - 65%) để bảo vệ môi trường.

- Khai thác sử dụng đất phải coi trọng công tác quốc phòng, an ninh; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và vùng.

4. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Để bảo đảm mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 8,5%/năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Yên Bái cần huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 280.000 tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	**Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030**	
	Giai đoạn 2021 - 2025	**Giai đoạn 2026 - 2030**
Tổng cộng	**100.000 tỷ đồng**	**180.000 tỷ đồng**
Nguồn vốn khu vực nhà nước	Khoảng 29% (tương đương 29.000 tỷ đồng)	Khoảng 25% (tương đương 45.000 tỷ đồng)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	Khoảng 68% (tương đương 68.000 tỷ đồng)	Khoảng 70% (tương đương 126.000 tỷ đồng)
Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Khoảng 3% (tương đương 3.000 tỷ đồng)	Khoảng 5% (tương đương 9.000 tỷ đồng)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Tiếp tục rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển, hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ thực hiện trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm d

khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Yên Bái bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Yên Bái đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành kinh tế, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tham gia trong quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách đầu tư - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nghiên cứu, triển khai chương trình hỗ trợ nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân, trong đó hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tiềm năng, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

b) Tăng cường và tổ chức hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn. Tiếp tục kêu gọi thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến nông lâm sản, trồng rừng kinh tế, phát triển du lịch, lắp ráp ô tô,... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp như: cấp điện, nước, đường giao thông; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư đúng tiến độ đề ra. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch,

hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Về phát triển nguồn nhân lực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và xu thế nghề nghiệp. Tăng cường các hoạt động tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách quản lý nguồn nhân lực, lấy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động làm phương châm chính trong quản lý nhân sự.

b) Nâng cao chất lượng hệ thống các trường học và đội ngũ giáo viên, học sinh. Tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục, bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục trong tổng ngân sách nhà nước, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và quản lý sử dụng có hiệu quả. Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên cho những vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích liên kết hợp tác với các tổ chức giáo dục nước ngoài có uy tín. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về kỹ năng, chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

c) Phát triển thị trường lao động theo hướng ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc mọi lĩnh vực. Đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng, thiết bị; hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến.

d) Củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển.

đ) Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động hoặc trung gian, triển khai đào tạo nghề theo hình thức kết hợp các chương trình chia sẻ nguồn lực đào tạo giữa các doanh nghiệp và liên kết với

các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên cơ sở kết hợp nguồn lực giữa doanh nghiệp và các chính sách ưu đãi của tỉnh nhằm tận dụng nguồn nhân lực sẵn có trên địa bàn.

e) Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp. Tăng cường đổi mới và thực hiện đồng bộ các khâu, các quy trình về công tác cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hệ thống chính trị và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp, các ngành trong thực thi nhiệm vụ công vụ.

g) Tập trung ưu tiên hỗ trợ đào tạo doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết hợp với các cơ sở đào tạo nghề thực hiện các chương trình và hình thức đào tạo, đào tạo lại gồm cả nâng cao kỹ năng tác nghiệp hướng tới tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm đáp ứng tình hình mới.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển cách mạng công nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số,...

b) Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp cho hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua công cụ chính sách tín dụng, thuế, trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Khuyến khích, thu hút nguồn lực đầu tư của xã hội đối ứng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước tài trợ một phần kinh phí; ưu tiên đầu tư ngân sách để nâng cao năng lực các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm.

Tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập khai thác tối đa các nguồn lực đầu tư để đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; tăng cường năng lực, đầu tư thiết bị và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học và công nghệ khai thác nguồn vốn nước ngoài từ hoạt động hợp tác nghiên cứu, đào tạo.

c) Ưu tiên bố trí ngân sách từ 1,2 - 1,5%, phấn đấu đạt mức 2% tổng chi ngân sách địa phương cho nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để bảo đảm đủ nguồn lực phát huy hiệu quả vai trò của của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai các chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở; giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

b) Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhằm giúp cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo và thoát nghèo bền vững.

d) Đẩy mạnh công tác dân tộc, tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp

luật Việt Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho giới chức và tín đồ có hoạt động tôn giáo thông thường nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Ưu tiên triển khai quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới có áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

e) Trên cơ sở quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp tỉnh phù hợp với mục tiêu quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước, định kỳ tổ chức rà soát quy hoạch để điều chỉnh kịp thời, phù hợp nhằm bảo tồn và phát huy đa dạng sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

7. Bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung

hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

b) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

c) Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính…) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các công ty lâm nghiệp, gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận

khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; rà soát, cập nhật và triển khai thực hiện Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt Bản đồ khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các các dự án trong danh mục các

dự án quan trọng dự kiến đầu tư; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Yên Bái tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
I	**Công nghiệp**				
1	Các dự án đầu tư nhà máy chế biến sâu các sản phẩm từ quế	X	X		X
2	Các dự án đầu tư nhà máy chế biến sơn tra	X	X		X
3	Các dự án đầu tư nhà máy chế biến chè chất lượng cao	X	X		X
4	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất, chế biến gỗ cao cấp	X	X		X
5	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất	X	X		X
6	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất giấy viết, giấy lụa, giấy bao bì	X	X		X
7	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung	X	X		X
8	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất sứ vệ sinh, sứ dân dụng, gạch ốp lát và các loại vật liệu xây dựng cao cấp	X	X		X
9	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất gạch ốp lát từ đá hoa trắng, đá thạch anh	X	X		X
10	Các dự án đầu tư nhà máy luyện phôi thép, cán thép	X	X		X
11	Các dự án đầu tư nhà máy luyện đồng kim loại	X	X		X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
12	Các dự án đầu tư nhà máy chế biến chì - kẽm kim loại	X	X		X
13	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị và linh kiện cơ khí	X	X		X
14	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất linh kiện, cụm linh kiện điện tử	X	X		X
15	Các dự án đầu tư nhà máy hóa chất, sản xuất sơn công nghiệp, chất tẩy rửa	X	X		X
16	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất nhựa, hạt nhựa	X	X		X
17	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa gia dụng, linh kiện, phụ tùng bằng nhựa	X	X		X
18	Dự án đầu tư nhà máy dệt lụa tơ tằm	X	X		X
19	Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá vôi trắng	X	X		X
20	Dự án đầu tư khai thác mỏ đá hoa	X	X		X
21	Dự án đầu tư khai thác và chế biến đá hoa trắng	X	X		X
22	Dự án đầu tư khai thác và chế biến mỏ đá hoa	X	X		X
23	Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ đá hoa làm đá ốp lát và sản xuất bột $CaCO_3$	X	X		X
24	Dự án đầu tư nhà máy chế biến Graphit Yên Bái	X	X		X
25	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến, tuyển rửa quặng sắt	X	X		X
26	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thạch anh	X	X		X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
27	Dự án đầu tư khai thác và xây dựng nhà máy tuyển quặng chì - kẽm	X	X		X
28	Dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng sắt	X	X		X
29	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất đa kim loại mầu	X	X		X
30	Dự án đầu tư khai thác và tuyển quặng đồng	X	X		X
31	Dự án đầu tư nhà máy tuyển nổi tinh quặng chì kẽm	X	X		X
32	Các dự án đầu tư nhà máy sản xuất, chế biến đá vôi trắng	X	X		X
33	Các dự án đầu tư nhà máy luyện gang thép	X	X		X
34	Các dự án đầu tư nhà máy luyện đồng và than cốc	X	X		X
II	**Nông nghiệp**				
1	Vùng trồng cây lâu năm	X	X		X
2	Các dự án phát triển trồng trọt (chè, cây ăn quả, dâu, dược liệu, quế, sơn tra, măng tre Bát Độ)	X	X		X
3	Các dự án phát triển chăn nuôi hàng hóa theo chuỗi liên kết	X	X		X
4	Các dự án phát triển chăn nuôi đặc sản, hữu cơ	X	X		X
5	Các dự án hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	X	X		X
6	Các dự án hỗ trợ phát triển các vùng nông nghiệp tập trung, các vùng nông nghiệp hữu cơ	X	X		X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
III	**Thương mại dịch vụ**				
1	Các cụm thương mại dịch vụ tổng hợp	X	X		X
2	Các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các chợ	X	X	X	X
3	Các siêu thị	X	X		X
4	Các trung tâm thương mại	X	X		X
5	Trung tâm hội chợ triển lãm	X	X		X
IV	**Văn hóa thể thao, du lịch**				
IV.1	**Văn hóa thể thao**				
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái	X	X	X	
2	Trung tâm văn hóa tỉnh Yên Bái		X	X	
3	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi		X	X	
4	Tượng đài trung tâm Quảng trường 19/8		X	X	
5	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các Trung tâm truyền thông văn hóa		X	X	
6	Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo thư viện công cộng	X	X	X	
7	Xây dựng nhà truyền thống		X	X	
IV.2	**Du lịch**				
	Các dự án đầu tư phát triển du lịch	X	X	X	X
V	**Y tế**				
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh	X	X	X	X
2	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới trung tâm y tế tuyến huyện	X	X	X	X
3	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải y tế	X	X	X	X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các cơ sở y tế	X	X	X	X
VI	**Giáo dục và đào tạo**				
1	Nâng cấp, cải tạo và xây mới cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị các cơ sở giáo dục	X	X	X	X
2	Xây dựng hệ thống các trường mầm non và phổ thông trọng điểm về chất lượng	X	X	X	X
3	Dự án giáo dục thông minh xanh ở các trường mầm non và trường phổ thông		X	X	X
4	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các trường cao đẳng; trung tâm giáo dục thường xuyên,...	X	X	X	X
5	Chuyển đổi số trong giáo dục tỉnh Yên Bái	X	X	X	X
VII	**Quản lý nhà nước**				
1	Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái	X		X	
2	Trụ sở Tỉnh ủy và các ban đảng	X		X	
3	Trường Chính trị tỉnh Yên Bái		X	X	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới trụ sở làm việc khối các cơ quan nhà nước tỉnh Yên Bái	X	X	X	
VIII	**Lao động - Thương binh và Xã hội - Hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội**				
1	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy	X		X	
2	Dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội	X	X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
3	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới Trung tâm điều dưỡng người có công và người cao tuổi		X	X	
IX	**Khoa học - công nghệ**				
1	Dự án Trạm nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ		X	X	
2	Dự án tăng cường tiềm lực lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng - ứng dụng năng lượng nguyên tử		X	X	
3	Dự án Trung tâm Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo		X	X	
X	**Giao thông**				
1	Cải tạo, nâng cấp ĐT.163, ĐT.164, ĐT.165, ĐT.166, ĐT.170, ĐT.171, ĐT.172, ĐT.173, ĐT.174, ĐT.175B	X	X	X	
2	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	X	X	X	
3	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	X		X	
4	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	X		X	
5	Đường nối ĐT.163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	X		X	
6	Đường nối QL.32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Đường tỉnh 174 (huyện Trạm Tấu)	X		X	
7	Cải tạo, nâng cấp đường Văn Chấn (Yên Bái) - Yên Lập (Phú Thọ), huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	X		X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
8	Đường nối QL.37, QL.32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	X		X	
9	Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	X		X	
10	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	X		X	
11	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn	X		X	
12	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	X		X	
13	Cải tạo đường nối QL.37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	X		X	
14	Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái (đường Khánh Hòa - Văn Yên)	X		X	
15	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	X		X	
16	Đường Lục Yên (Yên Bái) - Bảo Yên (Lào Cai)	X		X	
17	Đường Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên (Yên Bái) - Nậm Tha, huyện Văn Bàn (Lào Cai)	X	X	X	
18	Đường kết nối xã Nghĩa Tâm, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Trung Sơn, huyện Yên Lập (Phú Thọ)	X		X	
19	Đường trục chính cụm công nghiệp Phú Thịnh, huyện Yên Bình	X	X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
20	Đường nối ĐT.170 và QL.70 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn An Phú - Tân Nguyên - Mậu A)	X	X	X	
21	Nút giao IC15 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	X	X	X	
22	Đường kết nối huyện Đoan Hùng (Phú Thọ), huyện Yên Sơn (Tuyên Quang) với huyện Yên Bình, thành phố Yên Bái (Yên Bái) với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC12)		X	X	
23	Đường kết nối An Phú, Minh Tiến, Liễu Đô, Mường Lai (Lục Yên, tỉnh Yên Bái) với Đồng Yên (Bắc Quang, tỉnh Hà Giang)		X	X	
24	Đường kết nối QL.32, tỉnh Yên Bái với QL.279, tỉnh Lào Cai		X	X	
25	Đường kết nối Mù Cang Chải (Yên Bái) - Văn Bàn (Lào Cai)		X	X	
26	Đường nối xã Mường Lai, Lục Yên (Yên Bái) - xã Yên Lâm, Hàm Yên (Tuyên Quang)		X	X	
27	Đường nối xã Cảm Nhân, Yên Bình (Yên Bái) - xã Nhân Mục, Hàm Yên (Tuyên Quang)		X	X	
28	Đường kết nối xã Yên Thành, Yên Bình (Yên Bái) với xã Hùng Đức, Yên Sơn (Tuyên Quang)		X	X	
29	Đường kết nối xã Bình Thuận, huyện Văn Chấn (Yên Bái) - xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập (Phú Thọ)		X	X	
30	Tuyến đường tránh QL.37 thành phố Yên Bái kết nối huyện Yên Bình với huyện Trấn Yên		X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
31	Tuyến đường nối ĐT.170, QL.70, ĐT.163, ĐT.166 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai		X	X	
32	Tuyến đường kết nối ĐT.172, QL.37, QL.32D với tuyến đường QL.32 đi cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)		X	X	
33	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) - QL.70 - Tân Nguyên		X		X
34	Đường kết nối huyện Văn Chấn, huyện Trạm Tấu và huyện Mù Cang Chải (Yên Bái) với huyện Mường La (Sơn La)		X	X	
35	Các cầu: Giới Phiên, thành phố Yên Bái; Tô Mậu, huyện Lục Yên; cầu vượt đường sắt khu vực xã An Bình, huyện Văn Yên; Đại Phác, huyện Văn Yên; cầu vượt hồ Thác Bà (Tân Nguyên - An Phú), huyện Yên Bình và huyện Lục Yên; Đại Minh, huyện Yên Bình; Báo Đáp, huyện Trấn Yên và huyện Văn Yên; Tuy Lộc, thành phố Yên Bái, cầu Đông Cuông, huyện Văn Yên, Nga Quán, huyện Trấn Yên; cầu vượt hồ Thác Bà (Nối QL.70 với ĐT.170), huyện Yên Bình	X	X	X	
36	Trung tâm logistics xã Văn Phú, thành phố Yên Bái		X	X	X
37	Nâng cấp cảng Hương Lý, cảng Mông Sơn, cảng xuất, nhập đá vôi xi măng Yên Bình		X	X	X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
38	Xây dựng cảng Văn Phú, cảng Mậu A, cảng Âu Lâu, Minh Quân		X	X	X
39	Xây dựng cảng hành khách vùng hồ Thác Bà		X	X	X
40	Xây dựng bến thuyền du lịch	X	X	X	X
41	Nâng cấp và xây dựng mới các bến thủy nội địa trên sông Hồng và vùng hồ Thác Bà	X	X	X	X
42	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới bến xe khách, trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe tĩnh, trung tâm đăng kiểm xe cơ giới	X	X	X	X
XI	**Cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường và nghĩa trang**				
XI.1	**Cấp nước đô thị và nông thôn**				
1	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị hiện hữu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	X
2	Dự án hạ tầng cấp nước các đô thị mới trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	X
3	Dự án nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	X
XI.2	**Thoát nước**				
1	Hệ thống thoát nước các đô thị hiện hữu trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	X
2	Hệ thống thoát nước các đô thị mới trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	X

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
XI.3	**Vệ sinh môi trường và nghĩa trang**				
1	Các khu xử lý chất thải rắn	X	X	X	X
2	Các nghĩa trang tập trung	X	X	X	X
XII	**Thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu**				
1	Xây dựng hệ thống hồ đập nông nghiệp: Hồ Đầm Lớn, đập Phai Rin, đập Ngòi Gùa, đập Sài Lương 2, đập Nhiêu Năm 1, đập Nạ Phang, đập Khe Xá 1,...	X	X	X	
2	Dự án đê, kè chống ngập, sạt lở trên hệ thống sông, suối	X	X	X	
3	Dự án lắp đặt hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai (41 hồ chứa và các điểm thường xảy ra mưa lớn, điểm có nguy cơ cao xảy ra lũ, lũ quét, sạt lở đất)	X	X	X	
XIII	**Năng lượng**				
1	Dự án nâng cấp, cải tạo trạm biến áp 110kV Yên Thế, Âu Lâu, Trấn Yên, Bảo Hưng, Yên Bình, Mù Cang Chải, Thịnh Hưng	X	X	X	
2	Dự án nâng cấp, cải tạo trạm biến áp Yên Bái, Yên Bái 2, Nghĩa Lộ, Ba Khe, Văn Yên	X	X	X	
XIV	**Thông tin truyền thông**				
1	Các dự án chuyển đổi số	X	X	X	X
2	Các dự án nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng phục vụ chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh; ứng dụng công	X	X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
	nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện				
3	Các dự án đầu tư nâng cấp chuyển đổi các Đài Truyền thanh cơ sở vô tuyến sang Đài Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	X	X	X	
4	Xây dựng hệ thống trung tâm Bưu chính tỉnh	X	X	X	
5	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng số (truyền dẫn, 5G, IoT…)	X	X	X	
6	Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	X	X	X	
XV	**Hạ tầng khu, cụm công nghiệp**				
	Đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp	X	X	X	X
XVI	**Phát triển đô thị**				
1	Dự án đầu tư phát triển các khu đô thị	X	X		X
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	X	X	X	
3	Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu đô thị thông minh tỉnh Yên Bái	X	X	X	
XVII	**Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**				
1	Đầu tư các trạm quan trắc môi trường	X	X	X	
2	Xử lý, cải tạo, đóng cửa các bãi chôn lấp	X	X	X	
3	Xử lý các điểm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	X	X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
4	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan cấp tỉnh theo Luật Đa dạng sinh học	X	X	X	
5	Thành lập vườn thực vật và vườn thuốc để lưu giữ các loài đặc trưng của địa phương	X	X	X	
6	Điều tra nghiên cứu phân vùng sinh thái và đánh giá không gian về đa dạng sinh học	X	X	X	
7	Khoanh định ranh giới và cắm mốc quy hoạch 3 loại rừng	X	X	X	
8	Trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng thay thế	X	X	X	
XVIII	**Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục tác hại do nước gây ra**				
1	Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát hoạt động khai thác sử dụng, xả nước thải vào nguồn nước trên các sông suối chính	X	X	X	
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước phục vụ chuyển đổi số	X	X	X	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước cho các hồ chứa thủy điện, thủy lợi có dung tích > 1 triệu m^3	X	X	X	
4	Xác định, công bố dòng chảy tối thiểu và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên các sông nội tỉnh quan trọng	X	X	X	
5	Điều tra, khảo sát thăm dò tìm kiếm nguồn nước dưới đất tại các vùng khan hiếm nước	X	X	X	

Stt	Dự án dự kiến đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện		Dự kiến ưu tiên nguồn vốn sử dụng	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
XIX	**Quốc phòng, an ninh**				
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Bộ Chỉ huy quân sự, các đơn vị trực thuộc và Ban Chỉ huy quân sự các huyện, thị xã, thành phố; các công trình quốc phòng và cơ sở hạ tầng khác	X	X	X	
2	Xây dựng trụ sở làm việc các Ban chỉ huy quân sự xã	X	X	X	
3	Nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc Công an tỉnh, huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	
4	Xây dựng trụ sở làm việc phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh; các trụ sở đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các huyện, thị xã, thành phố	X	X	X	

Ghi chú:

(1) Việc triển khai thực hiện các dự án năng lượng (tại mục XIII) phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án năng lượng khác (nâng cấp, cải tạo và lắp đặt mới các trạm biến áp, đường dây; các dự án thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện cột nước thấp; các dự án điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió, nhiệt điện): Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Đối với các dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư thì thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện./.